

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2023/HS-ST
Ngày: 27-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Bích Lệ
- Bà Nguyễn Thị Yến Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Tẩn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại điểm cầu Trung tâm Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình và điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 110/2023/TLST-HS, ngày 20 tháng 11 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T1)**, sinh ngày 25/11/1982, tại tỉnh Bình Thuận.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn X và bà Lê Thị H; vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 01/8/2023 cho đến nay. Hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: Anh Nguyễn Cao Tường Anh V, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Phạm Hoài A, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 07/01/2021, Nguyễn Văn T (tức là T1), sinh ngày 25/11/1982, ở thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận được ông Huỳnh Phạm Hoài A (tức là P), sinh năm 1974, ở số A, đường N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (là Giám đốc - Công ty TNHH D quốc tế) làm nhân viên bảo vệ tại Công ty S, có trụ sở đóng tại thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận (không làm hợp đồng lao động, nhưng có thỏa thuận miệng lương cơ bản là 4.200.000 đồng/01 tháng). T làm nhân viên bảo vệ tại Công ty S đến ngày 07/4/2021, thì T tự ý nghỉ việc, không làm bảo vệ cho Công ty nữa và cho rằng Công ty không trả tiền lương. Nhưng theo lời khai của A và các tài liệu do A cung cấp thì T đã nhận 02 tháng tiền lương (tháng 01 và tháng 02) của Công ty với tổng số tiền 10.650.000 đồng; còn tiền lương tháng 3 đang duyệt, đến ngày 20/4/2021 mới phát lương, nhưng ngày 07/4/2021 T đã tự ý nghỉ việc. Đến khoảng 18 giờ 00 phút ngày 10/4/2021, sau khi đi nhậu với bạn về nhà thì T nảy sinh ý định đi đến trụ sở Công ty S lấy xe mô tô của Công ty để bán lấy tiền cân trừ tiền lương nên T lấy 01 cây tua vít dài khoảng 20 cm (cán bằng nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại, mũi đẹp) bọc vào trong túi quần bên phải đem theo với mục đích là để phá khóa xe mô tô để trong công ty. T đi bộ từ nhà ở thôn T ra đường Q đón xe buýt đi đến Ngã ba đường thị trấn L đi xã H thì T xuống xe và thuê xe ôm của 01 người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch theo lời khai của T) chở T đi từ Ngã ba thị trấn L đến Công ty S, ở thôn H, xã H. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày 10/4/2021, người đàn ông chạy xe ôm chở T đến gần trước cổng Công ty S, cách cửa cổng khoảng 50m, thì T bảo người đàn ông chạy xe ôm dừng xe lại chờ T tại đây, để T xuống xe đi công việc xiu rồi quay lại và người đàn ông này đồng ý. T xuống xe đi bộ đến cổng Công ty S thì thấy cửa cổng đóng lại nên T đi bộ qua bên hông trái leo qua hàng rào để vào trong khu vực của Công ty. Lúc này, Nguyễn Cao Tường Anh V, sinh năm 2001, ở thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận (là nhân viên bảo vệ đang trực bảo vệ gác tại chốt gác trong Công ty S) nhìn thấy T đi đến nên V hỏi “anh đến đây làm gì”, T trả lời “tao đến đây để siết xe trừ nợ do công ty không trả tiền cho tao”, V nói để V gọi điện thoại nói cho A (tức là P) biết, T nói “mày không cần gọi, để tao tự gọi, mày mà gọi thì tao lấy điện thoại mày luôn”, nghe T nói vậy thì V im lặng và không dám gọi điện thoại nói cho A biết. T nhìn thấy chiếc xe mô tô biển số 86L2-3639, loại hiệu Genie, số loại 110S để gần nhà vệ sinh, cách chỗ T đang đứng khoảng 02m nên T đi đến lấy và dắt chiếc xe mô tô này đi bộ đến cửa cổng Công ty thì thấy cửa cổng đóng nên T dựng xe mô tô này lại sát cửa cổng, rồi T quay lại đi đến từ phía bên phải chỗ vị trí V đang ngồi gác và dùng tay phải lấy tua vít từ trong túi quần

phải ra dí vào cổ của V nói “cỡ mảy mà tao thọc vào cổ là mảy chết”, do T cầm hung khí dí vào cổ nên V không dám chống cự lại, rồi T nói tiếp “mảy ra mở cửa cổng cho tao dắt xe đi ra”, V sợ T đâm nên V làm theo yêu cầu của T, V đi ra mở cửa cổng Công ty cho T dắt xe mô tô trên đi ra khỏi cổng được khoảng 02m, thì T nói với V “mảy đi vô đi, có gì tao gọi cho ông A sau, mảy không cần gọi”. Lúc này, V không đi vào mà đứng ngay cửa cổng, rồi T kêu người đàn ông chạy xe ôm lúc này đến chỗ T bật đèn led của điện thoại di động để T dùng cây tua vít trên phá ổ khóa xe mô tô vừa mới lấy của Công ty dắt ra khỏi cổng. Sau khi phá được ổ khóa xe, T dùng chân đạp vào cần đạp xe mô tô để nỏ máy nhưng xe không nỏ nên T mở cốp xe ra kiểm tra thì thấy xe đã hết xăng, rồi T đưa tiền 200.000 đồng nhờ người đàn ông chạy xe ôm đi mua xăng. Người đàn ông này cầm tiền đi khoảng 15 phút sau, quay lại đưa cho T 01 bình xăng, rồi T lấy đổ vào bình xăng xe mô tô trên. T đạp máy xe mô tô nỏ, rồi lấy tiền 120.000 đồng trả tiền đi xe ôm cho người đàn ông này và người đàn ông này cầm tiền chạy xe mô tô đi đâu thì T không rõ, còn T chạy xe mô tô biển số 86L2-3639 về nhà của T ở thôn T, xã H, huyện B. Sau khi T và người đàn ông xe ôm này chạy xe mô tô bỏ đi, thì V gọi điện thoại báo cho A biết việc T đi vào Công ty dùng hung khí khống chế V và lấy xe mô tô biển số 86L2-3639 chạy bỏ đi nên A bảo V đi đến Công an xã H trình báo vụ việc. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày 10/4/2021, V đi đến Công an xã H trình báo vụ việc nêu trên. Sau khi tiếp nhận tố giác tội phạm, Công an xã H đã tiến hành xác minh sơ bộ ban đầu, ghi lời khai người tố giác, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và mời Nguyễn Văn T về trụ sở làm việc. Tại đây, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên và giao nộp lại chiếc xe mô tô biển số 86L2-3639 cho Công an xã H lập biên bản tạm giữ. Thấy có dấu hiệu của tội phạm nên Công an xã H chuyển hồ sơ vụ việc trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 27/2023/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện B, kết luận: Xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Genie, số loại 110S, biển số 86L2-3639, màu xanh cam đen, dung tích xi lanh 107, số máy VME152FMHC042440, số khung RMEWCHEME8A042440, đăng ký mới năm 2009, thời điểm định giá 10/4/2021, trị giá 715.000 đồng.

Về tang, vật chứng của vụ án: Công an xã H đã lập biên bản tạm giữ chiếc xe mô tô biển số 86L2-3639, nhãn hiệu Genie, số loại 110S, màu xanh cam đen, dung tích xi lanh 107, số máy VME152FMHC042440, số khung RMEWCHEME8A042440. Qua điều tra xác minh: Chiếc xe mô tô này do bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1972, ở khu phố B, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận đứng tên đăng ký chủ sở hữu, bà G khai đã bán chiếc xe mô tô này lại cho 01 người khác, còn Huỳnh Phạm Hoài A khai chiếc xe mô tô này là do A mua lại của 01 người khác với số tiền 2.500.000 đồng để cho nhân viên bảo vệ trong Công ty dùng làm phương tiện đi lại. Do đó, Cơ quan Công an đã xử lý giao trả chiếc xe mô tô này cho Huỳnh Phạm Hoài A

Đối với 01 cây tua vít dài khoảng 20 cm, cán bằng nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại, mũi đẹp. Nguyễn Văn T khai sau khi thực hiện hành vi trên, T mang cây tua vít này về để trong chòi rẫy của T, cơ quan Công an đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy

Về phần dân sự: Sau khi nhận lại chiếc xe mô tô trên, Huỳnh Phạm Hoài A và Nguyễn Cao Tường Anh V không yêu cầu Nguyễn Văn T bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Tại Bản Cáo trạng số 121/CT-VKS.HBB ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “*Cướp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận đã phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “*Cướp tài sản*” như nội dung cáo trạng, đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức án từ 7 (bảy) năm tù đến 8 (tám) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã giao trả chiếc xe mô tô biển số 86L2-3639, nhãn hiệu Genie, số loại 110S, màu xanh cam đen, dung tích xi lanh 107, số máy VME152FMHC042440, số khung RMEWCHEME8A042440 cho ông Huỳnh Phạm Hoài A là đúng quy định nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Đối với tua vít mà T mang theo khi phạm tội, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy nên không có căn cứ đề nghị xử lý.

Về phần dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo đồng ý với nội dung và tội danh mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận đã truy tố, đồng thời xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị tiếp tục xét xử vì sự vắng mặt những người trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Xét thấy, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện B đã tiến hành lấy lời khai, làm rõ các tình tiết trong vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường, trong đơn xin xét xử vắng mặt bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên việc vắng mặt những người trên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt bị hại Nguyễn Cao Tường Anh V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Phạm Hoài A.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/4/2021 tại Công ty S thuộc thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận do Nguyễn Văn T dùng 01 cây tua vít dài khoảng 20 cm, cán bằng nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại, mũi dẹp (là phương tiện nguy hiểm khác) dí vào cổ Nguyễn Cao Tường Anh V, đe dọa đòi giết V, làm cho V sợ hãi lâm vào tình trạng không thể chống cự lại được nhằm chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô biển số 86L2-3639 của Huỳnh Phạm Hoài A do V đang quản lý. Chiếc xe mô tô được định giá 715.000 đồng, đã được thu hồi giao trả lại cho chủ sở hữu. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhận thức hành vi, tính chất phạm tội: Bị cáo Nguyễn Văn T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo là cố ý đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương nên cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo sẽ được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với 01 người đàn ông chạy xe ôm mà Nguyễn Văn T khai chạy xe mô tô chở T đến Công ty S để T lấy chiếc xe mô tô nêu trên. Do không rõ nhân thân, lai lịch và địa chỉ cụ thể của người này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có căn cứ thì đề nghị xử lý sau là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển số 86L2-3639, nhãn hiệu Genie, số loại 110S, màu xanh cam đen, dung tích xi lanh 107, số máy VME152FMHC042440, số khung RMEWCHEME8A042440. Qua điều tra xác minh cơ quan Công an đã trả lại xe cho chủ sở hữu là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với 01 cây tua vít dài khoảng 20 cm, cán bằng nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại, mũi đẹp. Nguyễn Văn T khai sau khi thực hiện hành vi trên, T mang cây tua vít này về để trong chòi rẫy của T, Cơ quan Công an đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy nên không có căn cứ đề nghị xử lý.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm d khoản 2 Điều 168, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 01/8/2023.

2. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Nguyễn Cao Tường Anh V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phạm Hoài A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- VKS nhân dân huyện Bắc Bình;
- Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Ngọc